BỘ Y TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1791 /QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung Danh mục 236 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt Cao Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2880/SYT-NVY ngày 05/4/2016 về việc bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt Cao Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh,

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục 236 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt Cao Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh (Danh mục kỹ thuật kèm theo).

Điều 2. Bệnh viện Mắt Cao Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ bảo đảm về tổ chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đã được phê duyệt bổ sung; thực hiện đúng các quy định liên quan của pháp luật, bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng của Bộ Y tế và Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Bệnh viện Mắt Cao Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/cáo);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỔ SUNG

Danh mục 236 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt Cao Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1791/QĐ-BYT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Số TT của BV	Số TT của BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
	XIV	MẮT
1	4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
2	5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
3	6	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
4	9	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo
5	25	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên
6	27	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
7	29	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)
8	32	Mở bao sau đục bằng laser
9	34	Laser excimer điều trị tật khúc xạ
10	35	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
11	36	Laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
12	37	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
13	38	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser
14	42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL
15	43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
16	44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
17	46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)

18	47	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
19	48	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
20	49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
21	50	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
22	51	Mở bao sau bằng phẫu thuật
23	52	Cắt chỉ bằng laser
24	65	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
25	70	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối
26	72	Lấy dị vật trong củng mạc
27	73	Lấy dị vật tiền phòng
28	75	Cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
29	76	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
30	77	Cố định màng xương tạo cùng đồ
31	80	Sinh thiết tổ chức mi
32	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc
33	83	Cắt u da mi không ghép
34	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép
35	85	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
36	86	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
37	88	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
38	104	Tái tạo cùng đồ
39	106	Đóng lỗ dò đường lệ
40	109	Phẫu thuật lác thông thường
41	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
42	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
43	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
44	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác
45	115	Sửa sẹo sau mổ lác
46	116	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
47	118	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
48	119	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
49	120	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi…) điều trị sụp mi
50	121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)
51	122	Cắt cơ Muller
52	123	Lùi cơ nâng mi
53	124	Vá da tạo hình mi
54	125	Phẫu thuật tạo hình nếp mi

55	126	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi
56	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
57	128	Kéo dài cân cơ nâng mi
58	129	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
59	131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
60	132	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
61	133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi
62	136	Phẫu thuật mở rộng khe mi
63	137	Phẫu thuật hẹp khe mi
64	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
65	139	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser
66	145	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên
67	146	Tạo hình mống mắt (khâu mống mắt, chân mống mắt...)
68	147	Cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF
69	148	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
70	150	Mở bè có hoặc không cắt bè
71	156	Sửa sẹo bọng bằng kim (Phâu thuật needling)
72	157	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm
73	158	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)
74	161	Tập nhược thị
75	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
76	163	Rửa chất nhân tiền phòng
77	164	Cắt bỏ túi lệ
78	165	Phẫu thuật mộng đơn thuần
79	166	Lấy dị vật giác mạc sâu
80	167	Cắt bỏ chắp có bọc
81	168	Khâu cò mi, tháo cò
82	169	Chích dẫn lưu túi lệ
83	170	Phẫu thuật lác người lớn
84	171	Khâu da mi đơn giản
85	172	Khâu phục hồi bờ mi
86	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
87	175	Khâu phủ kết mạc
88	176	Khâu giác mạc
89	177	Khâu củng mạc
90	178	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc

91	179	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc
92	180	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
93	183	Bơm hơi / khí tiền phòng
94	184	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
95	185	Múc nội nhãn
96	186	Cắt thị thần kinh
97	187	Phẫu thuật quặm
98	188	Phẫu thuật quặm tái phát
99	192	Cắt chỉ khâu giác mạc
100	193	Tiêm dưới kết mạc
101	194	Tiêm cạnh nhãn cầu
102	195	Tiêm hậu nhãn cầu
103	197	Bơm thông lệ đạo
104	200	Lấy dị vật kết mạc
105	201	Khâu kết mạc
106	202	Lấy calci kết mạc
107	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
108	204	Cắt chỉ khâu kết mạc
109	205	Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu
110	206	Bơm rửa lệ đạo
111	207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
112	208	Thay băng vô khuẩn
113	209	Tra thuốc nhỏ mắt
114	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
115	211	Rửa cùng đồ
116	212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
117	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)
118	214	Bóc giả mạc
119	215	Rạch áp xe mi
120	216	Rạch áp xe túi lệ
121	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
122	218	Soi đáy mắt trực tiếp
123	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
124	220	Soi đáy mắt bằng Schepens
125	221	Soi góc tiền phòng
126	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
127	223	Khám lâm sàng mắt
128	224	Đo thị giác tương phản

129	229	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
130	230	Phẫu thuật phục hồi trễ mi dưới
131	233	Phẫu thuật tạo nếp mi
132	236	Phẫu thuật tạo hình mi
133	240	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
134	250	Test thử cảm giác giác mạc
135	251	Test phát hiện khô mắt
136	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
137	253	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
138	254	Đo thị trường chu biên
139	255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…..)
140	256	Đo sắc giác
141	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
142	258	Đo khúc xạ máy
143	259	Đo khúc xạ giác mạc Javal
144	260	Đo thị lực
145	261	Thử kính
146	262	Đo độ lác
147	265	Đo thị giác 2 mắt
148	266	Đo độ sâu tiền phòng
149	267	Đo đường kính giác mạc
150	275	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng siêu âm
		Tạo hình
151	234	Phẫu thuật điều trị hở mi
152	235	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả
153	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)
		Chẩn đoán hình ảnh
154	242	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu
155	243	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu
156	244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang
157	246	Chụp mạch với ICG
158	249	Siêu âm bán phần trước
159	264	Đo biên độ điều tiết
160	268	Đo độ dày giác mạc
161	269	Đếm tế bào nội mô giác mạc
162	270	Chụp bản đồ giác mạc

	IX	**GÂY MÊ HỒI SỨC**
		D. GÂY TÊ
163	3095	Gây tê phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
164	3143	Gây tê phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
165	3144	Gây tê phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF
166	3153	Gây tê phẫu thuật cắt chắp có bọc
167	3159	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
168	3160	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller
169	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
170	3209	Gây tê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
171	3213	Gây tê phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
172	3228	Gây tê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
173	3268	Gây tê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
174	3269	Gây tê phẫu thuật cắt thị thần kinh
175	3324	Gây tê phẫu thuật cắt túi lệ
176	3361	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
177	3363	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
178	3376	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
179	3377	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
180	3378	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
181	3379	Gây tê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
182	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
183	3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
184	3459	Gây tê phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
185	3470	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính
186	3477	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới
187	3480	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
188	3500	Gây tê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt
189	3501	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
190	3512	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)

191	3543	Gây tê phẫu thuật điều trị hở mi
192	3557	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)
193	3559	Gây tê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
194	3560	Gây tê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)
195	3566	Gây tê phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser
196	3649	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ
197	3661	Gây tê phẫu thuật Epicanthus
198	3665	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
199	3675	Gây tê phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
200	3687	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
201	3688	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
202	3689	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt
203	3703	Gây tê phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
204	3704	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù
205	3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
206	3706	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần
207	3708	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)
208	3714	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mi
	XXI	**THĂM DÒ CHỨC NĂNG**
		A. TIM, MẠCH
209	14	Điện tim thường
	XXII	**HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU**
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
210	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
		C. TẾ BÀO HỌC
211	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)
	XXIV	**HOÁ SINH**
		A. MÁU
212	3	Định lượng Acid Uric
213	7	Định lượng Albumin
214	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
215	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
216	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp

217	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
218	27	Định lượng Bilirubin toàn phần
219	29	Định lượng Calci toàn phần
220	30	Định lượng Calci ion hoá
221	41	Định lượng Cholesterol toàn phần
222	42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)
223	43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
224	44	Định lượng CK-MB mass
225	51	Định lượng Creatinin
226	75	Định lượng Glucose
227	76	Định lượng Globulin
228	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
229	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
230	111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)
231	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
232	133	Định lượng Protein toàn phần
233	143	Định lượng Sắt
234	158	Định lượng Triglycerid
235	166	Định lượng Urê
236	175	Đo hoạt độ Amylase

(Tổng số 236 kỹ thuật)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến